

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**
(100=110+130+150)**I. Tiền**

1. Tiền

II. Các khoản phải thu ngắn hạn

1. Trả trước cho người bán

2. Các khoản phải thu khác

III. Tài sản ngắn hạn khác

1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

3. Tài sản ngắn hạn khác

B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)**I. Tài sản cố định**

1. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên giá

- Giá trị hao mòn lũy kế

2. Tài sản cố định vô hình

- Nguyên giá

- Giá trị hao mòn lũy kế

3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

II. Tài sản dài hạn khác

1. Chi phí trả trước dài hạn

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)

Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
100		147.791.262.206	132.960.837.022
110	5	16.878.405.960	37.523.209.480
111		16.878.405.960	37.523.209.480
130		125.095.112.177	82.345.502.204
132	6	23.890.917.076	78.686.480.549
135	7	101.204.195.101	3.659.021.655
150		5.817.744.069	13.092.125.338
152		229.460.925	12.167.749.990
154		31.738.058	36.494.287
158	8	5.556.545.086	887.881.061
200		1.886.657.675.925	1.369.800.123.599
220		1.876.098.706.402	1.359.015.970.050
221	9	360.019.917	481.948.400
222		1.740.315.924	2.511.502.093
223		(1.380.296.007)	(2.029.553.693)
227	10	8.291.305.131	8.291.305.131
228		8.291.305.131	8.291.305.131
229		-	-
230	11	1.867.447.381.354	1.350.242.716.519
260		10.558.969.523	10.784.153.549
261	12	10.558.969.523	10.784.153.549
270		2.034.448.938.131	1.502.760.960.621

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.598.142.634.338	1.128.624.621.488
I. Nợ ngắn hạn	310		308.393.077.387	166.250.764.133
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	121.405.467.106	46.578.861.647
2. Phải trả người bán	312		122.729.726.738	88.061.309.517
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	5.462.248.239	59.539.649
4. Phải trả người lao động	315		4.266.308.565	2.174.377.001
5. Chi phí phải trả	316	15	26.152.042.285	21.786.224.066
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	28.377.284.454	7.590.452.253
II. Nợ dài hạn	330		1.289.749.556.951	962.373.857.355
1. Phải trả dài hạn khác	333		210.000.000	224.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	1.289.539.556.951	962.149.857.355
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		436.306.303.793	374.136.339.133
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	436.306.303.793	374.136.339.133
1. Vốn điều lệ	411		415.296.507.633	353.296.507.633
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		8.628.956.068	8.607.542.231
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.738.390.092	1.589.839.269
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.034.448.938.131	1.502.760.960.621

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Ngoại tệ các loại

USD

31/12/2014

487

31/12/2013

523



Ông Hồng Văn
Giám đốc

Lào Cai, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính